

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NGÀNH KẾ TOÁN

*Ban hành kèm theo quyết định số 1738/QĐ-DHTL ngày 24 tháng 09 năm 2013*

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Số TC	HK1	HK2	HK3
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>GENERAL EDUCATION</b>			<b>5</b>			
<b>I.1</b>	<b>Kỹ năng</b>	<b>Communication Skills</b>			<b>3</b>			
1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phát triển kỹ năng	3	3		
<b>I.2</b>	<b>Khoa học tự nhiên và tin học</b>	<b>Natural Science &amp; computer</b>			<b>2</b>			
2	Toán V (Xác suất thống kê)	Mathematics V (Probability Statistics)	MATH253	Toán học	2	2		
<b>I.3</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>Physical Education</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>2</b>	<b>1*</b>	<b>1*</b>	
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>PROFESSIONAL EDUCATION</b>			<b>46</b>			
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở khối ngành</b>	<b>Foundation Subjects</b>			<b>3</b>			
3	Kinh tế vĩ mô I	Macroeconomics	ECON346	Kinh tế	3	3		
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>Core Subjects</b>			<b>10</b>			
4	Lịch sử các học thuyết kinh tế	History of Economic Theories	HET315	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2		
5	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC470	Kế toán	3	3		
6	Kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Techniques for drafting business document	TDBD315	Kế toán	2	2		
7	Thị trường tài chính	Financial market	FNM224	Kế toán	3		3	
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>Core Area Subjects</b>			<b>18</b>			
8	Kế toán tài chính I	Financial Accounting 1	ACC310	Kế toán	2	2		
9	Định giá tài sản	Assess Properties	ASP214	Kế toán	2	2		
10	Kế toán tài chính II	Financial Accounting 2	ACC311	Kế toán	2		2	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Số TC	HK1	HK2	HK3
11	Kỹ năng xử lý chứng từ và ghi sổ kế toán	Completing documents and book-keeping	ACC340	Kế toán	2		2	
12	Kế toán chi phí	Cost Accounting	ACC315	Kế toán	3		3	
13	Kế toán tài chính III	Financial Accounting 3	ACC340	Kế toán	2		2	
14	Kiểm toán báo cáo tài chính	Financial Auditing	ACC210	Kế toán	2		2	
15	Thực tập nghề nghiệp ngành kế toán	Practise	PRA417	Kế toán	3		3	
<b>II.4</b>	<b>Học phần tốt nghiệp</b>	<b>Graduation thesis</b>			<b>7</b>			<b>7</b>
<b>II.5</b>	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>Selectives</b>			<b>8</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	
<i>1</i>	<i>Quản lý tài chính công</i>	<i>Public Finance Management</i>	<i>ECON477</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>	<i>3</i>		
<i>2</i>	<i>Nghiệp vụ ngân hàng thương mại</i>	<i>Commercial banking</i>	<i>MCB316</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>	<i>3</i>		
<i>3</i>	<i>Kinh doanh quốc tế</i>	<i>International Business</i>	<i>IB316</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>3</i>		<i>3</i>	
<i>4</i>	<i>Kế toán quốc tế</i>	<i>International Accounting</i>	<i>IAS417</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>		<i>3</i>	
<i>5</i>	<i>Kế toán ngân hàng thương mại</i>	<i>Accounting for commercial bank</i>	<i>ACB417</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>		<i>2</i>	
<i>6</i>	<i>Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp</i>	<i>Accounting for Non-Profit Organization</i>	<i>ECON417</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>		<i>2</i>	
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>				<b>51</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>7</b>